|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023**

**1. Số phiếu** (Dành cho cán bộ tiếp nhận hồ sơ, thí sinh không ghi mục này) VLVH…………………………….

**2. Trường đăng ký xét tuyển:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG Mã trường:

C

T

Y

*Thí sinh ghi mã ngành, mã tổ hợp các môn theo thứ tự các môn học trong tổ hợp xét tuyển. Gạch chéo với các ô trống.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành ĐKXT** | **Mã ngành** |
|  |  |

*Thí sinh ghi rõ điểm trung bình môn học theo tổ hợp xét tuyển của từng học kỳ. Gạch chéo với các ô trống*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **TBM học kỳ 1 lớp 10** | **TBM học kỳ 2 lớp 10** | **TBM học kỳ 1 lớp 11** | **TBM học kỳ 2 lớp 11** | **TBM học kỳ 1 lớp 12** | **Điểm TBM 5 học kỳ** |
|  | Toán |  |  |  |  |  |  |
|  | Vật lý |  |  |  |  |  |  |
|  | Hóa học |  |  |  |  |  |  |
|  | Sinh học |  |  |  |  |  |  |
|  | Ngữ Văn |  |  |  |  |  |  |
|  | Lịch sử |  |  |  |  |  |  |
|  | Địa lý |  |  |  |  |  |  |
|  | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  |
|  | Giáo dục công dân |  |  |  |  |  |  |

**3. Ngưỡng đầu vào (chỉ dành cho thí sinh ĐKXT ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng)**

3.1. Xếp loại học lực lớp 12: ……………………… Điểm xét tốt nghiệp THPT: ……………..

3.2. Điểm TB chung các môn văn hoá lớp 10: ………………………

3.3. Điểm TB chung các môn văn hoá lớp 11: ………………………..

3.4. Điểm TB chung các môn văn hoá lớp 12: ………………………..

3.5. Ngành học trung cấp/cao đẳng có thuộc các ngành Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng không? : Có → tiếp tục điền thông tin mục 3.6

Không → bỏ qua mục 3.6 và 3.7, tiếp tục điền thông tin mục 3.8

3.6. Xếp loại tốt nghiệp trung cấp: …………………….

3.7. Xếp loại tốt nghiệp cao đẳng: …………………….

3.8 Thâm niên công tác trong lĩnh vực Kỹ thuật y học: ……. tháng

**3. Họ và tên thí sinh** *(chữ in hoa có dấu):* ………………………….………….…………. Giới tính: ………….…..

**4. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh** *(Nếu ngày, tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*

*Ngày Tháng Năm*

**5. Nơi sinh***:…………………………………………………….…………………….* **6. Dân tộc** *(Ghi bằng chữ):…………*

**7. Thuộc đối tượng ưu tiên** **nào khoanh tròn vào ký hiệu của đối tượng đó:** 01 02 03 04 05 06 07

**8. Hộ khẩu thường trú** *(Số nhà, đường, thôn/xóm, xã /phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):*

……………………………….............................xã/phường………………………………

Huyện/Quận……………………………Thành phố/Tỉnh Thành phố…….……….............*Mã tỉnh Mã huyện*

**9. Nơi học THPT hoặc tương đương** *(Ghi tên trường và địa chỉ nơi trường đóng: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/ thành phố và* ***ghi mã tỉnh, mã trường****):*

**Năm lớp 10:** ……………………………………………………..…….……………….………

**Năm lớp 11:** ……………………………………………………………………………………

**Năm lớp 12:** ……………………………………………………………………………….……

*Mã tỉnh Mã trường*

**10. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó:** KV1 KV2-NT KV2 KV3

**11. Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương** *(ghi đủ 4 chữ số của năm tốt nghiệp vào ô)*

**12. Số CMND/ Thẻ căn cước:** *(Nếu CMND 9 số thì điền vào 9 ô đầu, gạch 3 ô cuối)*

**13. Địa chỉ gửi giấy báo kết quả xét tuyển:** ……………………………………………………………………………

…………………..………………………………………………………………………………………………………..

**14. Số điện thoại** *(bắt buộc)*:……..…..…………..….… **Email** *(bắt buộc)***:** ……..…..…………..….…………………

Tôi xin cam đoan những lời khai trong phiếu ĐKXT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ảnh

4x6

*Ngày ….. tháng ….. năm 2023*

**Chữ ký của thí sinh**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC**

**NĂM 2023**

1. **Danh sách mã ngành xét tuyển kết quả học tập cấp THPT**

*(****Môn in đậm*** *là MÔN CHÍNH trong tổ hợp)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mã ngành** | **Ngành học** | **Tổ hợp môn xét tuyển 1** | **Tổ hợp môn xét tuyển 2** | **Tổ hợp môn xét tuyển 3** | **Tổ hợp môn xét tuyển 4** |
|
| 1 | 7720701 | Y tế công cộng | B00: | B08: | D01: | D13: |
| **Toán** | **Toán** | Toán | **Ngữ văn** |
| Hóa học | Sinh học | **Ngữ văn** | Sinh học |
| Sinh học | Tiếng Anh | Tiếng Anh | Tiếng Anh |
| 2 | 7720601 | Kỹ thuật xét nghiệm y học | B00: | B08: | A01: | D07: |
| **Toán** | **Toán** | **Toán** | **Toán** |
| Hóa học | Sinh học | Vật lý | Hóa học |
| Sinh học | Tiếng Anh | Tiếng Anh | Tiếng Anh |
| 3 | 7720401 | Dinh dưỡng | B00: | B08: | D01: | D07: |
| **Toán** | **Toán** | **Toán** | **Toán** |
| Hóa học | Sinh học | Ngữ văn | Hóa học |
| Sinh học | Tiếng Anh | Tiếng Anh | Tiếng Anh |
| 4 | 7720603 | Kỹ thuật Phục năng | A00:  **Toàn**  Vật Lý  Hóa học | A01:  **Toán**  Vật Lý  Tiếng Anh | B00:  **Toán**  Hóa học  Sinh học | D01:  **Toán**  Ngữ Văn  Tiếng Anh |

**2. Điều kiện xét tuyển**

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Đối với các ngành Y tế công cộng, Dinh Dưỡng: điểm xét tuyển từ 15 điểm trở lên. Điểm xét tuyển được tính là tổng điểm trung bình 5 học kỳ (học kỳ 1 và lớp 10, học kỳ 1 và 2 lớp 11 và học kỳ I lớp 12) của từng môn trong tổ hợp xét tuyển.

+ Đối với ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng: điểm xét tuyển từ 15 điểm trở lên và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1) Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học ngành khác nhóm ngành đào tạo: có học lực lớp 12 xếp từ loại khá trở lên hoặc điểm xét TN THPT từ 6,5 trở lên.

2) Đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành đào tạo\* (tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng và Kỹ thuật hình ảnh y học) đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

* Học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 6,5 trở lên;
* Tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;
* Tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, trình độ đại học đạt loại khá trở lên.

1. **Điểm xét tuyển được tính theo công thức:**

***Điểm xét tuyển = Môn 1 TB + Môn 2 TB + Môn 3 TB + Điểm ưu tiên***

*Ví dụ tổ hợp A00: Toán, Lý, Hóa (ghi đúng tên môn trong bảng tổ hợp xét tuyển)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Kỳ 1 lớp 10** | **Kỳ 2 lớp 10** | **Kỳ 1 lớp 11** | **Kỳ 2 lớp 11** | **Kỳ 1 lớp 12** | **Điểm xét tuyển của 5 kỳ** |
| Toán | 8.3 | 7.9 | 8.6 | 8.2 | 8.5 | (8.3 + 7.9 + 8.6 + 8.2 + 8.5 )/5 = 8.3 |
| Lý | 6.6 | 7.4 | 8.4 | 8.1 | 7.5 | (6.6+ 7.4 + 8.4 + 8.1 +7.5 )/5= 7.6 |
| Hóa | 8.8 | 8.5 | 8.4 | 8.7 | 8.6 | (8.8 + 8.5 + 8.4 + 8.7 + 8.6)/5 = 8.6 |

Điểm xét tuyển = 8.3 + 7.6 + 8.6 = 24.5+ điểm ưu tiên (nếu có)

\* Trong trường hợp có nhiều thí sinh cùng thỏa mãn các tiêu chí xét tuyển trên và vượt quá chỉ tiêu của nhà trường, sẽ xét đến tiêu chí sau:

Điểm trung bình (sử dụng xét tuyển) của MÔN CHÍNH trong tổ hợp đăng ký xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

**4. Hồ sơ xét tuyển**

**4.1. Hồ sơ Tuyển sinh**

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

***4.1.1. Phiếu đăng ký xét tuyển đại học*** (theo mẫu được gửi kèm theo thông báo và đăng tải tại trang thông tin điện tử về tuyển sinh của Trường.

***4.1.2. Bản sao công chứng các giấy tờ có liên quan tới quá trình học tập:***

- Bằng tốt nghiệp THTP và giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT (nếu có). Với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023 chưa có bằng tốt nghiệp THPT thì thay bằng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời;

- Học bạ kết quả học tập THPT hoặc tương đương (có đầy đủ thông tin kết quả học tập của lớp 10, 11, 12).

- Bằng tốt nghiệp và bảng điểm của các bậc học trên THPT (nếu có) (làm căn cứ để xét công nhận khối lượng kiến thức đã tích luỹ sau khi trúng tuyển và rút ngắn thời gian học tập)

***4.1.3. Bản sao công chứng giấy khai sinh;***

***4.1.4. Giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập do đơn vị y tế từ tuyến huyện trở lên cấp;***

***4.1.5. Giấy xác nhận thâm niên công tác nếu có;***

***4.1.6. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên nếu có;***

***4.1.7. 03 ảnh 3 x 4 cm*** (Chụp trong vòng 6 tháng tính đến thời gian thi. Ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh);

**5. Hình thức nộp hồ sơ và lệ phí**

- Thí sinh nộp hồ sơ theo 1 trong 2 hình thức:

+ Nộp hồ sơ qua bưu điện

+ Nộp hồ sơ trực tiếp

- Thời gian nộp hồ sơ vào giờ hành chính các ngày trong tuần:

+ Đợt 1: Sau 45 ngày kể từ khi đề án tuyển sinh được Bộ GDĐT phê duyệt (Dự kiến cuối tháng 4/2023)

+ Các đợt tiếp theo sẽ được tổ chức cho đến khi có đủ chỉ tiêu và thời gian cụ thể được thông báo trên các kênh thông tin tuyển sinh của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Địa điểm nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện: Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Đại học Y tế công cộng, 1A Đường Đức Thắng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Điện thoại: 024 6266 2342

- Lệ phí xét tuyển: 300.000đ/hồ sơ;

- Thí sinh nộp lệ phí trực tiếp hoặc chuyển khoản theo thông tin: Trường Đại học Y tế công cộng, Số TK: 114 00000 3921, tại: Ngân hàng công thương Đống Đa. Nội dung thông tin chuyển khoản:

**Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CMND đóng LPXTĐHVLVH2023 (đóng lệ phí xét tuyển đại học VLVH năm 2023)**.

***Để biết thông tin chi tiết về ngành đào tạo, phương thức xét tuyển đề nghị tham khảo tại trang website của nhà trường hoặc gọi điện trực tiếp về bộ phận tư vấn tuyển sinh để được trợ giúp:***

**Website:** <http://tuyensinh.huph.edu.vn/>

**Facebook:** <https://www.facebook.com/truongdaihocytecongconghuph>

**Điện thoại tư vấn: 024.62662342 Email:** [qldt@huph.edu.vn](mailto:qldt@huph.edu.vn)